

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm vào đầu phiên sau đó hồi phục và tăng mạnh vào cuối phiên với thanh khoản giảm nhẹ

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

TLG, MSH

[Cập nhật công ty]

TPB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập.

03/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,241.62	+0.00
VN30	1,265.97	+0.00
HĐTL VN30F1M	1,245.90	+0.00
HNXIndex	295.84	+0.00
HNX30	538.68	+0.00
UPCoM	90.13	+0.00
USD/VND	23,354	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.48	+0
Lãi suất qua đêm (%)	4.14	+0
Dầu (WTI, \$)	93.33	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,774.33	+0.00



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,249.76 (+0.66%)
KLGD (triệu CP) 789.5 (+13.2%)
GTGD (triệu US\$) 751.7 (+4.0%)

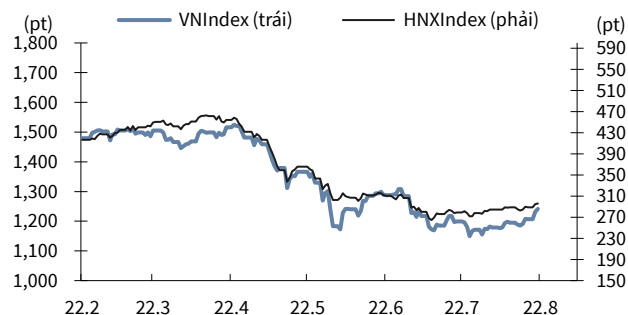
HNXIndex 298.11 (+0.77%)
KLGD (triệu CP) 87.4 (-21.0%)
GTGD (triệu US\$) 72.4 (-13.9%)

UPCoM 90.32 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 50.2 (-13.6%)
GTGD (triệu US\$) 29.7 (-6.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +30.2

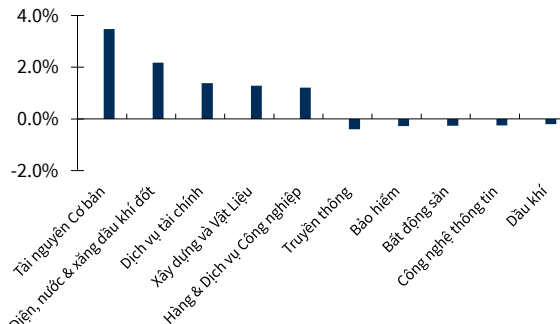
TTCK Việt Nam giảm điểm vào đầu phiên sau đó hồi phục và tăng mạnh vào cuối phiên với thanh khoản giảm nhẹ. Trong đó, nhóm ngân hàng (BID, CTG, VCB), chứng khoán (SSI, VCI) và thép (HPG, NKG) dẫn dắt cho đà tăng của thị trường. Khối ngoại tiếp tục mua ròng ở HPG (+3.7%), VCB (+0.8%), SSI (+1.5%). Theo dự thảo nghị định của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Bộ Tài chính đề nghị điều chỉnh tăng 150% mức phí tối thiểu và mức phí tối đa đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường bao gồm cả cát trắng, mức phí đề xuất từ 1,500 đến 10,500 đồng/m³ tác động tiêu cực đến cổ phiếu nhóm khoáng sản ở NNC (-0.6%). Báo cáo của Rabobank dự báo nhu cầu thủy sản sẽ giảm trong nửa cuối năm 2022 trong bối cảnh chi phí sản xuất cao liên tục trong đó đối với ngành tôm, nguồn cung tôm của thế giới tiếp tục mở rộng trong khi nhu cầu tiếp tục giảm khiến giá có thể giảm xuống dưới mức hòa vốn cho người nuôi. Trên thực tế, điều này đã xảy ra ở một số lĩnh vực của ngành tôm toàn cầu khiến cổ phiếu thủy sản giảm giá ở MPC (-1.1%).

VNIndex & HNXIndex



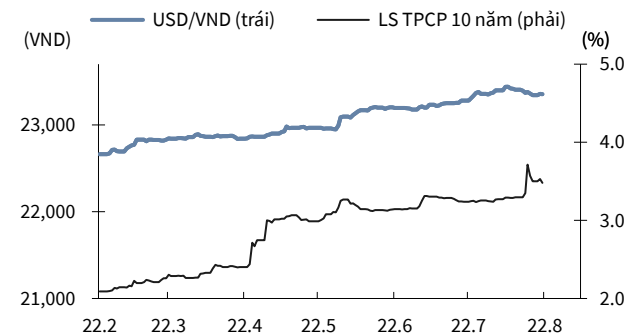
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

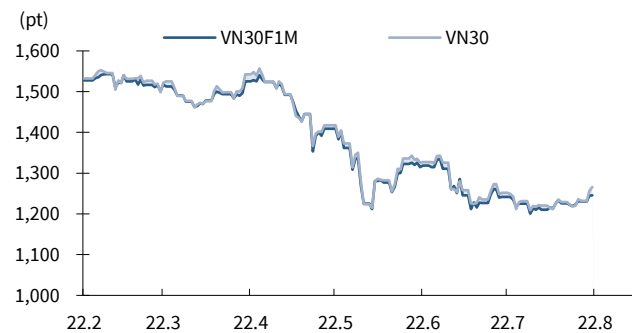
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,269.83 (+0.30%)
VN30F1M	1,250.0 (+0.33%)
Mở cửa	1,245.4
Cao nhất	1,252.9
Thấp nhất	1,242.0

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến chỉ số VN30. Chênh lệch F2208 và chỉ số thị trường cơ sở mở cửa ở mức thấp nhất ngày ở mức - 21.67 điểm sau đó thu hẹp dần và duy trì trong biên độ âm quanh mức -19 điểm và đóng cửa ở mức -19.8 điểm, với tâm lí e ngại của nhà đầu tư trước đà tăng của thị trường cơ sở.

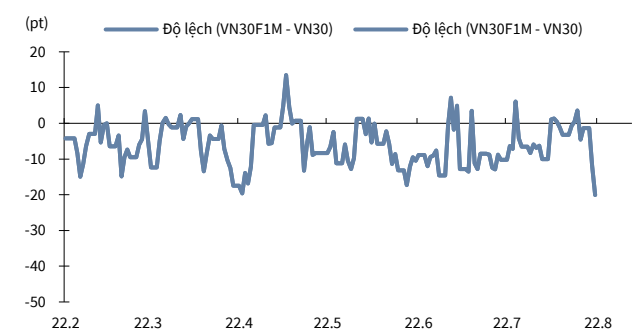
KLGD (HĐ) **221,136 (+18.8%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



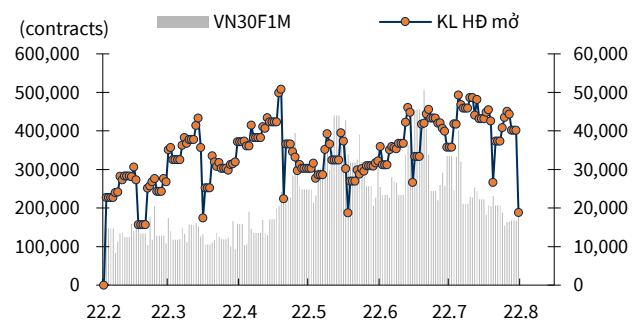
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



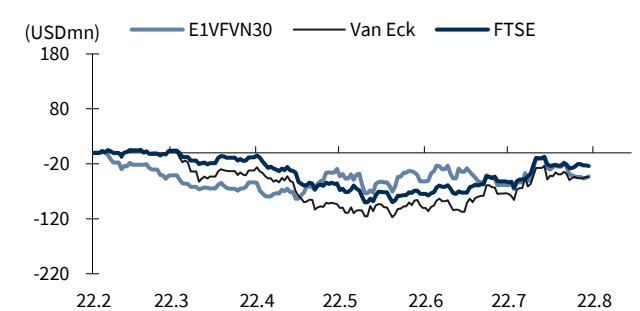
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

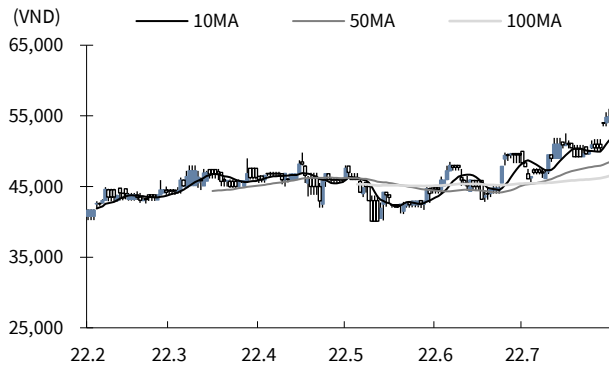
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Thiên Long (TLG)

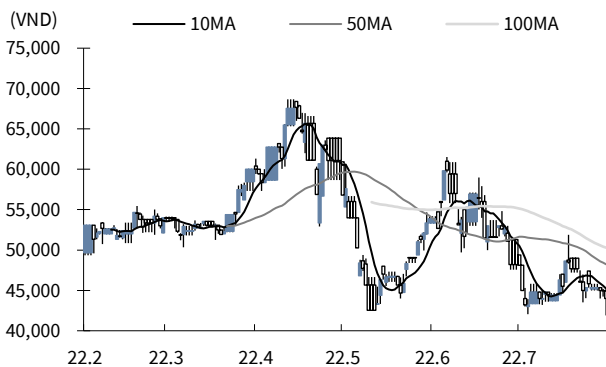


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TLG tăng 0.18% lên 54,900 VND/cp

- CTCP Tập đoàn Thiên Long ghi nhận lợi nhuận quý 2 đạt 185.5 tỷ đồng, tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ và đạt kỷ lục kể từ khi lên sàn, doanh thu 1,092 tỷ đồng (+44.4% YoY) chủ yếu đến từ mức tăng 334 tỷ đồng bán hàng hóa thành phẩm. Trong đó, doanh thu nội địa chiếm hơn 78.6% đạt gần 860 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh nội địa đạt 48%, cao hơn so với 30% của mảng kinh doanh xuất khẩu.

CTCP May Sông Hồng (MSH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSH giảm 2.22% xuống 44,000 VND/cp

- Dệt may Sông Hồng công bố báo cáo tài chính quý 2 với lợi nhuận 85.3 tỷ đồng (-31.3% YoY) và doanh thu đạt 1,486 tỷ đồng (+23.1% YoY). Lợi nhuận giảm do đã đưa nhà máy May Sông Hồng Nghĩa Hưng vào sản xuất giúp doanh thu tăng trưởng nhưng chi phí đầu vào tăng mạnh hơn.

TPBank (TPB)

LNTT 2Q2022 tăng 36.6% YoY

Chúng tôi đã tham gia buổi gặp gỡ nhà đầu tư – cập nhật kết quả kinh doanh 2Q2022 của NHTMCP Tiên Phong.

2Q2022, KQKD của TPB tích cực với LNTT đạt 2,165 tỷ VND, tăng 36.6% YoY

— 2Q2022, TPB tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt. Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 3,035 tỷ VND (+7.2% QoQ, +20.1% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 1,538 tỷ VND (+96.0% QoQ, +69.4% YoY) nhờ động lực chính từ lãi chứng khoán đầu tư do bán một phần danh mục trái phiếu khiến TOI đạt 4,573 tỷ VND (+26.5% QoQ, +33.1% YoY); Chi phí dự phòng tín dụng ở mức vừa phải, đạt 645 tỷ VND (-14.6% QoQ, +5.4% YoY) cùng với CIR ở mức cao do khấu hao tăng và ghi nhận chi phí lương thưởng 2021 vào 2Q2022 khiến LNTT 2Q2022 đạt 2,165 tỷ VND (+33.4% QoQ, +36.6% YoY). Lũy kế 6 tháng đầu năm, LNTT đạt 3,788 tỷ VND (+15.9% YoY, +26.0% YoY).

NIM sẽ gặp nhiều áp lực trong nửa cuối năm 2022

— NIM 2Q2022 tăng nhẹ so với quý trước (có khác biệt với số công bố của NH và cách tính của KBSV), đạt 4.24% (+12bps QoQ) nhờ lãi suất đầu ra bình quân tăng 19bps khi 6 tháng đầu năm TPB đẩy mạnh cho vay mua nhà và mua xe, là nhóm có lãi suất đầu ra tốt. Tuy nhiên, trong 3Q2022, NIM trong các 2H2022 sẽ gặp áp lực khi tỷ lệ CASA chưa có sự cải thiện, đạt 18.1% (-66bps QoQ) cùng với việc đã bán một phần trái phiếu chính phủ để ghi nhận lợi nhuận trong 2Q2022.

Chất lượng tài sản được cải thiện với tỷ lệ nợ xấu đạt 0.85%, giảm 29bps QoQ

— Tỷ lệ nợ xấu 2Q2022 giảm mạnh, đạt 0.85% (-29bps QoQ, -30bps YoY) trong đó nợ nhóm 3 giảm 16bps QoQ và nợ nhóm 3 giảm 13bps QoQ. Trong kì, TPB vẫn duy trì mức trích lập dự phòng cao, đạt 645 tỷ VND (-14.6% QoQ, +5.4% YoY) khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 161.5%, cao nhất trong các năm gần đây của TPB. Dư nợ tái cơ cấu tính tới thời điểm hiện tại còn khoảng 900 tỷ VND và TPB đã thực hiện trích lập 100% cho phần nợ tái cơ cấu này.

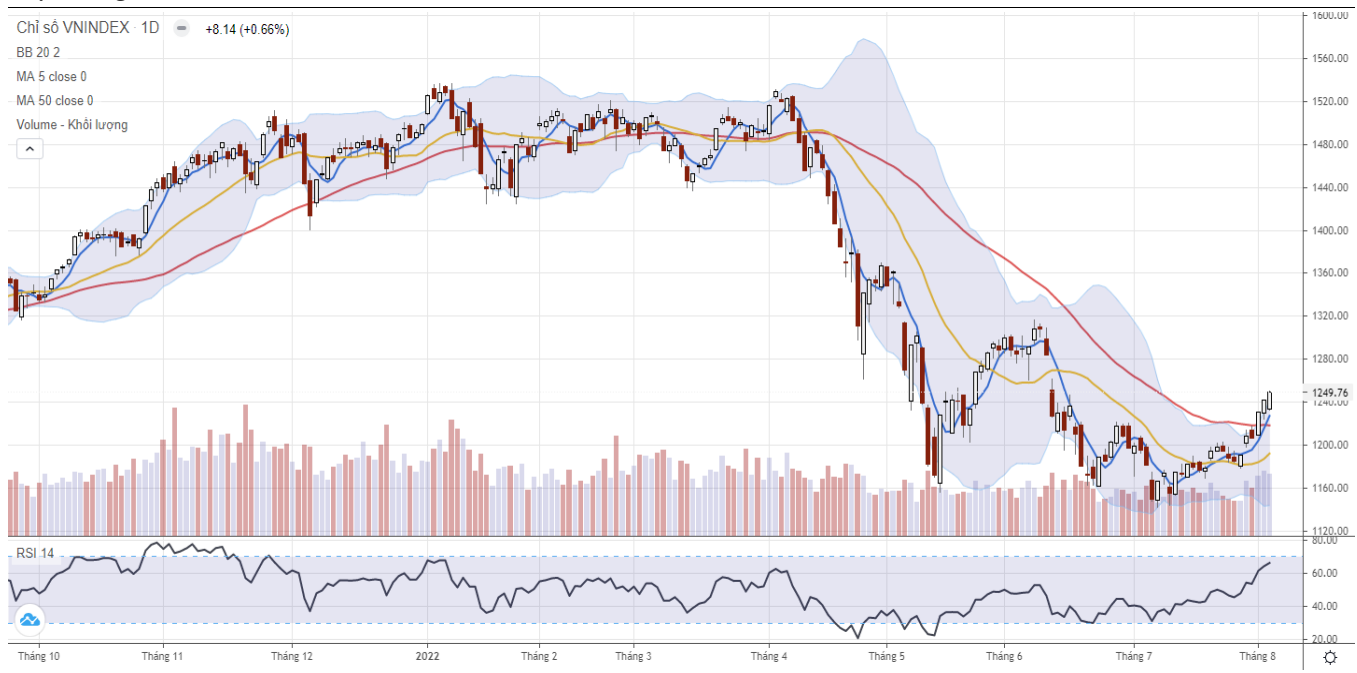
Định hướng tập trung cho vay nhóm khách hàng cá nhân trong nửa cuối năm 2022

— Tính đến hết tháng 6/2022, tăng trưởng tín dụng của TPB đạt 10.8% so với hạn mức 11.4% được NHNN nước giao. TPB kì vọng trong các tháng cuối năm, TPB sẽ được nối thêm khoảng 5% nữa. Về định hướng trong 2H2022, TPB vẫn tập trung cho vay nhóm khách hàng cá nhân, trong đó các sản phẩm cho vay mua nhà và mua ô tô sẽ là trọng điểm. Ở nhóm doanh nghiệp, TPB sẽ hạn chế giải ngân cho nhóm khách hàng doanh nghiệp đầu tư vào bất động sản, chỉ tập trung vào cho vay tài trợ vốn lưu động và các doanh nghiệp có thể cung cấp thêm các dịch vụ khác.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



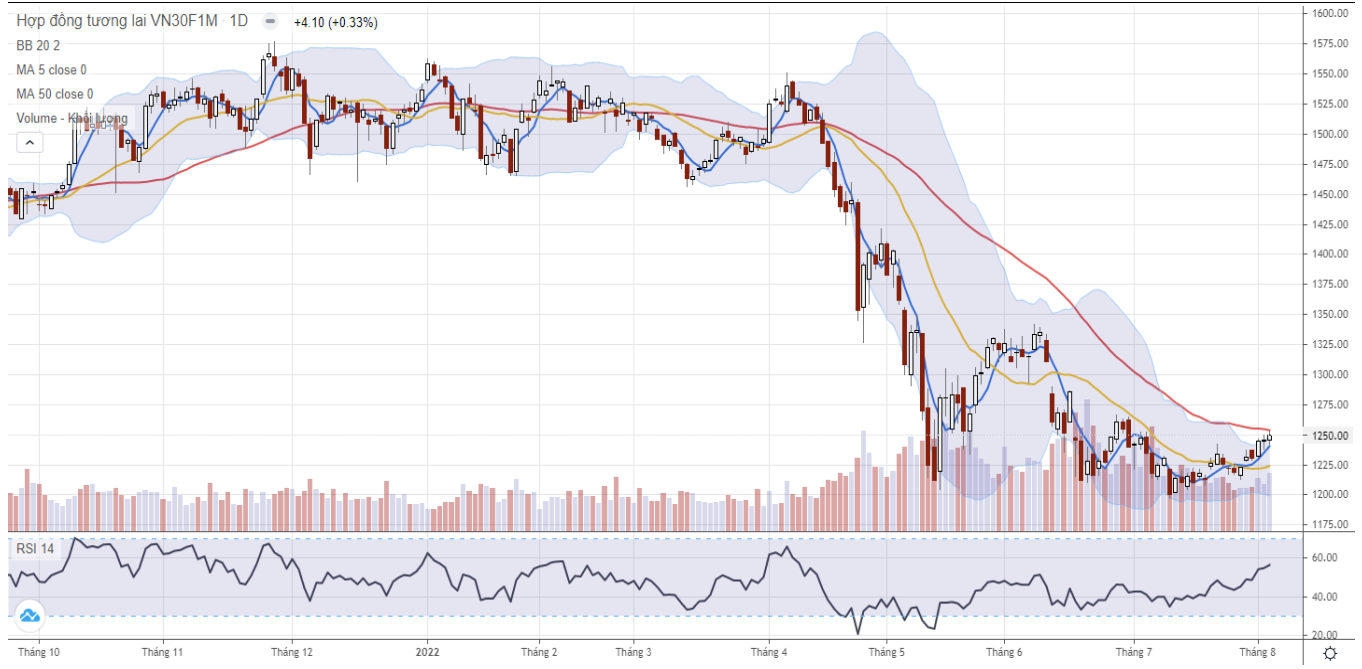
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp rung lắc giằng co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Thanh khoản tiếp tục được cải thiện, lan toả đến nhiều nhóm ngành đã giúp cho chỉ số chinh phục thành công ngưỡng cản gần quanh 1240, hiện đã đảo vai trò trở thành điểm đỡ gần. Mặc dù xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai chủ đạo, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính tăng điểm trong phiên kế tiếp và hướng lên vùng đích kỳ vọng quanh 1260 trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1265 - 1270

Kháng cự gần: 1256 - 1259

Hỗ trợ gần: 1239 - 1242

Hỗ trợ xa: 1227 - 1230

- F1 trải qua một nhịp rung lắc giằng co trong phiên trước khi mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy gia tăng khi chỉ số lùi về ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1240 đã giúp cho chỉ số xuất hiện một nhịp hồi phục tích cực. Mặc dù xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai chủ đạo, F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính tăng điểm trong phiên kế tiếp và hướng lên vùng đích kỳ vọng quanh 1260 trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở Short tại các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Long đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

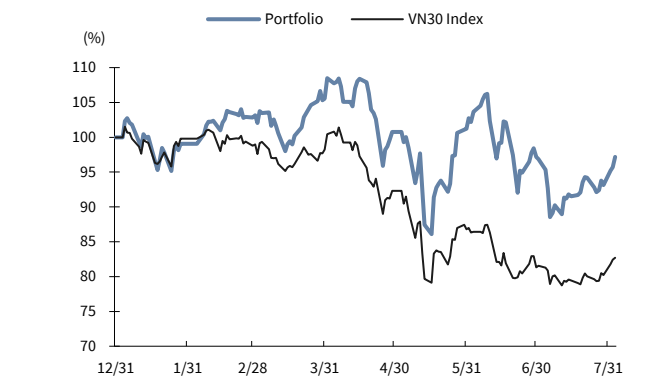
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.30%	1.51%
Tăng lũy kế (YTD)	-17.31%	-2.83%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	61,800	-0.3%	60.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,700	0.4%	-13.3%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,000	-0.4%	51.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	183,700	3.9%	-4.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	81,200	3.3%	174.6%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cố tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,800	-0.2%	249.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,100	1.7%	53.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	112,000	3.5%	52.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,750	3.7%	113.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	38,600	-0.5%	275.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	3.7%	20.4%	174.2
VCB	0.8%	23.5%	112.1
SSI	1.5%	22.2%	106.6
STB	2.0%	21.8%	96.6
CTG	1.8%	26.6%	56.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-0.1%	96.7%	-211.3
MSN	0.0%	28.8%	-85.8
KBC	-0.5%	19.2%	-5.3
TCH	0.0%	3.2%	-10.8
NVL	0.7%	5.8%	-23.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	0.7%	4.0%	4.2
IDC	3.4%	2.0%	0.7
TVC	9.4%	0.2%	0.4
VCS	2.8%	3.1%	0.2
ICG	1.2%	6.9%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.4%	8.9%	-2.0
SHS	2.1%	6.7%	-1.0
TVD	-0.6%	3.5%	-0.9
NVB	0.0%	12.1%	-0.9
PGS	-0.7%	0.0%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	11.3%	SSI, VND
Tài nguyên Cơ bản	9.4%	HPG, HSG
Xây dựng và Vật Liệu	6.9%	VGC, VCG
Bảo hiểm	6.5%	BVH, MIG
Ngân hàng	6.5%	VCB, BID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-1.5%	MWG, FRT
Y tế	-1.2%	IMP, TNH
Công nghệ thông tin	0.8%	ST8, ICT
Dầu khí	1.1%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	3.2%	HOT, TCT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	13.0%	VGC, VCG
Dịch vụ tài chính	11.1%	SSI, VCI
Tài nguyên Cơ bản	7.9%	HPG, HSG
Truyền thông	7.0%	ADG, YEG
Thực phẩm và đồ uống	6.7%	SAB, MSN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-8.0%	MWG, FRT
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.4%	PNJ, MSH
Công nghệ thông tin	-0.6%	FPT, ITD
Dầu khí	1.8%	PVD, PLX
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.8%	TMS, PDN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	87,528 (3.7)	22.5	73.9	31.4	14.7	6.2	7.5	2.5	2.3	2.9	0.8	-8.3	-30.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	146,749 (6.3)	26.6	8.6	7.3	35.9	22.5	21.9	1.8	1.5	4.2	6.5	1.8	-23.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	43,682 (1.9)	17.8	29.3	19.1	-7.6	7.2	10.3	2.0	1.9	0.0	11.3	1.2	-3.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	117,933 (5.0)	31.3	27.0	21.4	6.7	15.1	16.4	3.7	3.2	1.3	2.4	1.7	-16.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	30,183 (1.3)	11.6	20.6	16.8	13.7	12.9	17.2	2.4	2.1	1.0	5.0	10.1	-16.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	205,013 (8.8)	13.9	14.0	13.9	-	13.5	11.6	1.6	1.6	-0.2	16.7	33.2	-25.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	74,213 (3.2)	6.3	13.9	11.6	11.7	21.3	21.8	2.7	2.3	2.5	6.8	6.6	0.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	74,266 (3.2)	12.7	15.3	12.7	-5.3	15.5	17.2	2.0	1.7	-1.3	8.3	9.8	3.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	168,479 (7.2)	0.0	6.2	5.3	14.3	20.8	19.8	1.2	1.0	-0.8	4.6	6.4	-23.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	115,607 (4.9)	1.4	7.5	6.2	50.3	18.3	20.5	1.2	1.1	-0.3	7.7	6.1	-15.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	264,995 (11.3)	0.0	7.0	6.7	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	-0.2	4.9	-0.2	-18.9
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	191,362 (8.2)	0.0	6.5	5.3	14.6	23.8	22.8	1.3	1.1	0.8	6.2	10.3	-7.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	36,176 (1.5)	4.2	6.9	5.7	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	0.6	5.3	1.4	-19.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	388,903 (16.6)	14.0	12.5	11.3	26.5	11.6	14.9	1.2	1.1	-1.0	8.7	13.4	-20.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	45,786 (2.0)	0.0	12.0	6.7	37.4	22.3	21.0	1.4	1.1	1.5	2.4	1.3	-32.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,761 (0.2)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	0.5	0.7	-6.5	-10.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	68,042 (2.9)	21.0	18.4	15.1	15.8	9.0	11.9	1.9	1.7	-0.5	8.3	10.9	5.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,224 (0.2)	14.2	13.8	11.2	9.1	13.0	15.2	1.5	1.4	0.2	1.8	-6.0	-35.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	416,364 (17.8)	55.4	8.4	7.9	-3.2	19.3	16.4	1.3	1.2	1.8	14.6	17.8	-52.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	171,547 (7.3)	71.9	9.3	8.9	-4.0	24.7	20.6	1.9	1.7	-0.7	13.3	20.8	-41.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	184,205 (7.9)	52.4	9.4	9.1	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	-1.5	5.3	23.4	-41.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	433,960 (18.6)	27.2	8.9	7.6	36.3	25.7	24.3	2.1	1.7	1.7	14.0	11.6	-37.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	127,881 (5.5)	42.1	17.0	15.6	4.0	28.3	29.3	4.5	4.3	-0.1	1.9	-0.4	-15.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,932 (0.8)	36.9	28.1	23.5	7.3	20.0	21.3	5.1	4.6	2.6	12.0	22.0	24.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	68,593 (2.9)	16.5	25.1	19.8	-51.9	17.6	19.4	4.0	3.4	0.5	0.0	0.5	-22.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	81,455 (3.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.7	-0.9	24.8	-47.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	62,080 (2.7)	11.0	53.2	18.7	-88.5	8.9	21.6	-	-	0.3	1.9	-2.0	-0.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	59,044 (2.5)	10.8	19.5	15.8	-57.0	11.8	13.3	2.2	2.0	-1.0	3.2	1.2	9.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	86,780 (3.7)	38.4	7.2	35.0	65.7	14.1	2.6	1.0	1.0	-1.2	7.6	26.5	-55.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	15,121 (0.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.7	8.2	10.8	-76.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	177,960 (7.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.4	10.2	19.4	-41.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	48,911 (2.1)	3.6	60.0	16.2	-52.4	1.1	3.4	0.5	0.5	-1.9	7.8	13.0	-44.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	72,691 (3.1)	0.0	11.9	10.7	-4.5	16.0	14.2	1.7	1.7	3.4	3.0	-8.6	30.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	73,978 (3.2)	46.1	15.0	15.2	-17.5	24.2	22.0	3.5	3.2	0.3	3.3	-4.2	12.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	36,048 (1.5)	31.4	12.7	11.5	-10.5	15.5	15.4	1.8	1.7	3.1	6.5	6.9	2.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,024 (0.0)	34.1	21.5	9.6	-5.1	5.9	12.5	-	-	0.9	1.7	0.0	-26.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	462,124 (19.8)	18.0	4.9	5.0	21.9	28.6	22.1	1.1	0.9	0.4	5.8	2.2	-35.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	136,157 (5.8)	36.5	4.6	7.3	-0.5	32.3	19.2	1.3	1.2	2.3	3.2	-6.0	-7.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	114,501 (4.9)	46.5	5.8	8.3	-4.5	35.7	20.6	1.7	1.6	2.5	6.0	-2.2	-16.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	123,838 (5.3)	38.9	3.8	4.4	67.9	23.1	15.8	0.7	0.6	1.1	10.2	8.3	-51.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	53,782 (2.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.6	4.5	10.5	-37.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	21,043 (0.9)	4.6	19.1	15.6	-51.0	11.0	12.4	2.0	1.8	-1.9	0.4	1.0	-23.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	80,093 (3.4)	39.9	33.1	16.6	-11.9	1.9	4.1	0.7	0.7	1.7	7.2	6.0	-28.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	34,449 (1.5)	35.9	7.9	7.0	2.2	14.0	14.7	1.1	1.0	1.0	4.2	-3.4	-17.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	195,569 (8.4)	0.0	15.0	12.6	14.4	25.7	26.0	3.5	3.0	1.1	-1.6	11.8	-8.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	70,075 (3.0)	0.0	17.4	14.1	2.4	23.7	23.2	3.2	2.7	-0.4	4.0	-9.1	21.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,646 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.4	3.5	8.0	-2.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	104,359 (4.5)	30.3	15.6	13.6	-75.2	30.0	27.0	4.1	3.3	-1.5	-5.3	17.9	9.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	30,932 (1.3)	34.6	9.4	11.1	41.2	32.7	24.6	2.7	2.5	0.6	4.6	5.6	-4.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	829 (0.0)	45.4	14.3	13.2	10.7	21.6	21.0	2.9	2.6	0.0	0.0	4.7	-18.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	121,787 (5.2)	0.0	17.8	14.6	15.5	26.8	28.3	4.5	3.8	1.2	0.2	-3.4	9.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.